TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 – 2022
V/v *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiểu.

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện L, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Bá H, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Thôn 2 (*nay là thôn Đ 1*), xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số 547/67 Khu 1, Phường L, Thành phố B, tỉnh Đ.

Tại phiên toà vắng mặt chị B và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15 tháng 4 năm 2022, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Triệu Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Bá H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Y ngày 11/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà

ngoại ở và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã phân tích khuyên giải nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Bá H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Triệu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 26/8/2010. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2022, quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh Trịnh Bá H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2010 tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến thời điểm năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị B đã về nhà ngoại ở và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Triệu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 26/8/2010. Hiện nay cháu V đang ở với chị B nên anh có nguyện vọng để chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị B và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị Biên, xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Trịnh Bá H; Về con chung: Giao cháu Triệu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 26/8/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Bá H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2 (*nay là Thôn Đ 1*), xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Triệu Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, anh H nhận được thông báo thụ lý vụ án và có văn bản đề nghị hiện nay anh đang đi làm ăn xa, ở tại địa chỉ: Số 547/67 Khu 1, Phường L, Thành phố B, tỉnh Đ nên anh H đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Triệu Thị B. Đồng thời đề nghị Tòa án gửi văn bản, giấy tờ đến địa chỉ này cho anh. Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Nhưng sau đó anh H đã trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện Yên Định làm việc, trình bày bản tự khai. Chị B và anh H đều có đơn xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Triệu Thị B và anh Trịnh Bá H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Yên, huyện L, tỉnh Y ngày 11/4/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B và anh H đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm nay, không quan tâm

gì đến nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị B và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Chị B làm đơn xin ly hôn, anh H cũng xác định không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Trịnh Bá H.

[3] Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung là cháu Triệu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 26/8/2010. Qúa trình giải quyết vụ án, nguyện vọng của chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Anh H cũng đồng ý để chị B được nuôi con. Hơn nữa, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị B, anh H, giao cháu V cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B và anh H đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B khởi kiện vụ án ly hôn nên chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Trịnh Bá H.

- *Về con chung*: Giao cháu Triệu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 26/8/2010 cho chị Triệu Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Triệu Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003442 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Triệu Thị B và anh Trịnh Bá H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Phúc Yên, huyện L, tỉnh Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa